

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/6/2023

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN

BĐ phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Hoàng Kim Tuấn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Hoàng Văn Thảo;

2. Bà Triệu Thị Xuân.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2023/TLST - HNGĐ ngày 24/3/2023 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Bàn Thị ND – Sinh năm 1995.

Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Dao; Văn hóa: 08/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

(Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Khuông Thanh BV, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

*** Bị đơn:** Anh Triệu Phúc BD – Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Dao;

(Vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Bàn Thị ND trình bày:**

Chị khởi kiện anh Triệu Phúc BD - Địa chỉ: Xóm A, xã B, huyện V, Thái Nguyên khởi kiện lý do xin ly hôn.

Chị và anh Triệu Phúc BĐ lấy nhau và đăng ký kết hôn với nhau năm 2011 tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Bàn Thị F1 – Sinh ngày 13/12/2011 và cháu Triệu Thị F2 – Sinh ngày 26/3/2015.

Về tài sản chung: Anh chị không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh BĐ không vay ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Ban đầu lấy nhau hạnh phúc, có với nhau 02 mặt con chung, sau đó vợ chồng mâu thuẫn, anh BĐ thiếu quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay tình cảm không còn, chị yêu cầu Tòa án được ly hôn anh BĐ.

Về con chung: Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi các con chung, nếu được nuôi con chị không yêu cầu anh BĐ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:**
Chị Bàn Thị NĐ và anh Triệu Phúc BĐ lấy nhau và đăng ký kết hôn với nhau năm 2011 tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên nên hôn nhân là hợp pháp. Anh chị có 02 con chung là cháu Bàn Thị F1 – Sinh ngày 13/12/2011 và cháu Triệu Thị F2 – Sinh ngày 26/3/2015. Về tài sản chung và nợ chung: Chị NĐ không yêu cầu giải quyết. Về nguyên nhân xin ly hôn: Ban đầu lấy nhau hạnh phúc, có với nhau 02 mặt con chung, sau đó vợ chồng mâu thuẫn, anh BĐ thiếu quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài. Đề nghị Tòa án cho chị NĐ được ly hôn anh BĐ; Về con chung: Giao 02 con chung cho chị NĐ trực tiếp nuôi dưỡng vì chị NĐ có nguyện vọng nuôi 02 con và các cháu cũng mong muốn ở với mẹ, tạm hoãn việc cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không đề nghị giải quyết.

*** Bị đơn anh Triệu Phúc BĐ.**

Sau khi Tòa án thụ lý, Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo nhiều lần để anh BĐ đến Tòa án làm các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng anh BĐ trốn tránh không đến. Quá trình Tòa án làm việc tại địa phương, được địa phương cung cấp ý kiến của anh BĐ như sau: Anh BĐ đã được thông báo việc thụ lý vụ án và Tòa án triệu tập anh BĐ đến làm các thủ tục tố tụng; Về quan hệ vợ chồng anh BĐ nhất trí ly hôn; Về con chung tùy nguyện vọng của các cháu, nếu các cháu và chị NĐ đồng ý ở với nhau anh BĐ cũng đồng ý; Về tài sản chung, nợ chung anh BĐ xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh BĐ có ý kiến vì đi làm ăn ở xa, thường xuyên vắng mặt nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội

đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị NĐ, yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Triệu Phúc BĐ.

- Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Bàn Thị NĐ được ly hôn anh Triệu Phúc BĐ.

- Về con chung: Giao cháu Bàn Thị F1 – Sinh ngày 13/12/2011 và cháu Triệu Thị F2 – Sinh ngày 26/3/2015 cho chị Bàn Thị NĐ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Triệu Phúc BĐ vì chị NĐ không yêu cầu. Anh Triệu Phúc BĐ và chị Bàn Thị NĐ có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Bàn Thị NĐ phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình, về việc ly hôn giữa chị Bàn Thị NĐ và anh Triệu Phúc BĐ.

[2] Về tư cách chủ thể: Chị Bàn Thị NĐ khởi kiện anh Triệu Phúc BĐ nên chị Bàn Thị NĐ là nguyên đơn, anh Triệu Phúc BĐ là bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị NĐ: Chị NĐ và anh BĐ kết hôn năm 2011, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên nên hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Bàn Thị F1 – Sinh ngày 13/12/2011 và cháu Triệu Thị F2 – Sinh ngày 26/3/2015.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Theo chị NĐ ban đầu lấy nhau hạnh phúc, có với nhau 02 mặt con chung, sau đó vợ chồng mâu thuẫn, anh BĐ thiếu quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay tình cảm không còn, chị yêu cầu Tòa án được ly hôn anh BĐ.

Theo biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp ly hôn của Tòa án tại địa phương xác định giữa anh BĐ và chị NĐ có mâu thuẫn vợ chồng, đã sống ly thân nhiều năm nay, anh chị không còn chung sống với nhau..

Xét cuộc hôn nhân giữa chị NĐ và anh BĐ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NĐ với anh BĐ.

[4] Về con chung:

Chị Bàn Thị NĐ và anh Triệu Phúc BĐ có 02 con chung là cháu Bàn Thị F1 – Sinh ngày 13/12/2011 và cháu Triệu Thị F2 – Sinh ngày 26/3/2015. Chị NĐ có nguyện vọng được nuôi con chung, ý kiến của anh BĐ cũng đồng ý. Đồng thời, các cháu Vi và F2 đều là nữ, hiện đang sinh sống cùng mẹ và đều có nguyện vọng ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Do vậy, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các cháu, cần giao 02 cháu Bàn Thị F1 – Sinh ngày 13/12/2011 và cháu Triệu Thị F2 – Sinh ngày 26/3/2015 cho chị NĐ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh BĐ vì chị NĐ không yêu cầu. Chị NĐ và anh BĐ có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Bàn Thị NĐ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Nguyên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228, 238 và 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Bàn Thị NĐ được ly hôn anh Triệu Phúc BĐ.

2. Về con chung: Giao cháu Bàn Thị F1 – Sinh ngày 13/12/2011 và cháu Triệu Thị F2 – Sinh ngày 26/3/2015 cho chị Bàn Thị NĐ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh BĐ vì chị NĐ không yêu cầu.

Anh BĐ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. **Chị NĐ** cũng như các BĐ viên trong gia đình không được cản trở anh BĐ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Thị F1 và cháu Triệu Thị F2.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chi Bàn Thị NĐ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chi Bàn Thị NĐ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số 0003486 ngày 24 tháng 3 năm 2023.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được công bố hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Kim Tuấn